



Thứ năm, ngày 14 tháng 3 năm 2019

Vietnam Daily Review

Ngược chiều so với khu vực

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 15/3/2019		•	
Tuần 11/3-15/3/2019		•	
Tháng 3/2019		•	

Điểm nhấn

- Chỉ số VN-Index tăng điểm nhẹ trong phiên sáng, trong phiên chiều đã tăng được cải thiện.
- Nhóm cổ phiếu kéo chỉ số tăng điểm nhiều nhất bao gồm VCB (+2.03 điểm); VIC (+1.26 điểm); BID (+0.62 điểm); GAS (+0.4 điểm); NVL (+0.19 điểm).
- Nhóm cổ phiếu khiến thị trường giảm điểm bao gồm VNM (-0.58 điểm); SAB (-0.39 điểm); TCB (-0.26 điểm); PLX (-0.237 điểm); VJC (-0.231 điểm).
- Dòng tiền tập trung vào nhóm cổ phiếu ngành hàng cá nhân & gia dụng và ngân hàng, thanh khoản giảm so với phiên giao dịch ngày hôm qua.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index trong phiên đạt 3,747.00 tỷ đồng. Biên độ dao động trong phiên là 9.3 điểm. Thị trường có 164 mã tăng và 128 mã giảm.
- Kết thúc phiên giao dịch ngày hôm nay, VN-Index tăng 3.03 điểm, đóng cửa tại 1008.44 điểm. Cùng lúc đó, HNX-Index tăng 0.2 điểm lên 110.02 điểm.
- Khối ngoại hôm nay đã bán ròng 34.1 tỷ đồng trên sàn HOSE tập trung tại các mã SBT (97.14 tỷ), VNM (72.24 tỷ) và HPG (43.6 tỷ). Bên cạnh đó, họ đã bán ròng 9.46 tỷ đồng trên sàn HNX.

Nhận định thị trường

Chỉ số VN-Index trong phiên sáng tăng điểm nhẹ do lực mua lớn tập trung ở nhóm cổ phiếu bất động sản và ngân hàng như VRE, VCB, và BID. Trong phiên chiều, đã được cải thiện, bởi lực mua tiếp tục gia tăng ở nhóm cổ phiếu này cùng với đó là sự quay đầu tăng điểm của VHM. Khối ngoại bán ròng và thanh khoản giảm so với phiên trước. Theo quan điểm của BSC, thị trường tiếp tục có 1 phiên tăng điểm khá tích cực dù cho các thị trường chứng khoán khu vực châu Á đều giảm điểm trước những biến động của việc kí kết thỏa thuận Brexit.

Phân tích kỹ thuật:

VCB_Bút phá

(Vui lòng tải và xem trang 2)

iBroker:

Cập nhật LHG, DPG

(Vui lòng tải và xem trang 7)

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Quang

quangd@bsc.com.vn

VN-INDEX **1008.44**
Giá trị: 3747 tỷ **3.03 (0.3%)**
Khối ngoại (ròng): -34.1 tỷ

HNX-INDEX **110.02**
Giá trị: 425.65 tỷ **0.2 (0.18%)**
Khối ngoại (ròng): -9.46 tỷ

UPCOM-INDEX **57.09**
Giá trị: 342.86 tỷ **0.32 (0.56%)**
Khối ngoại(ròng): 3.75 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	58.7	0.67%
Giá vàng	1,302	-0.56%
Tỷ giá USD/VND	23,200	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	26,238	0.29%
Tỷ giá JPY/VND	20,774	-0.43%
LS liên NH 1 tháng	0.0%	0.00%
LS TPCP 5 năm	3.8%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VCB	88.4	SBT	97.1
VIC	50.0	VNM	72.2
VRE	48.6	HPG	43.6
TDM	46.0	DHG	40.1
PLX	16.1	VJC	39.1

Nguồn: BSC Research

Tổng quan thị trường	Trang 1
Phân tích kỹ thuật	Trang 2
Danh mục khuyến nghị	Trang 3
Cổ phiếu lớn	Trang 4
Thống kê thị trường	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
iBroker	Trang 7
Khuyến cáo sử dụng	Trang 8

Cập nhật cổ phiếu đáng chú ý trong ngày

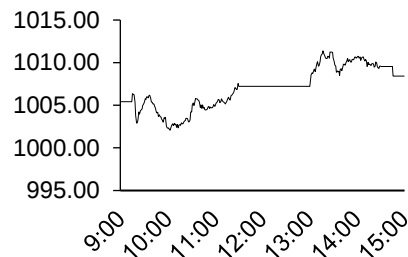
Mã	Thanh khoản (tr \$)	Đóng cửa (nghìn)	Hỗ trợ (nghìn)	Kháng cự (nghìn)	Trạng thái	Ghi chú
CTD	1.1	144.2	131.71	131.90	NGỪNG MUA	Hồi phục giá trong ngắn hạn
VIC	5.9	118.8	117.05	113.10	NGỪNG MUA	Tăng giá kéo dài
PNJ	1.9	104.2	98.03	96.40	MUA	Tăng giá kéo dài
BVH	0.4	95.8	94.82	92.20	NGỪNG MUA	Tăng giá kéo dài
VHM	2.9	94.0	90.11	87.50	MUA	Tăng giá kéo dài
MWG	2.1	89.0	86.77	82.00	NGỪNG BÁN	Tăng giá kéo dài
MSN	0.8	88.6	88.50	77.50	NGỪNG BÁN	Điều chỉnh trong ngắn hạn
VCB	6.6	67.0	61.38	51.00	MUA	Tăng giá kéo dài
NVL	1.1	61.9	56.38	56.60	NGỪNG MUA	Hồi phục giá trong ngắn hạn
PLX	4.1	61.2	59.63	56.30	NGỪNG MUA	Tăng giá kéo dài

Đăng Quang

quangd@bsc.com.vn

Hình 1

HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

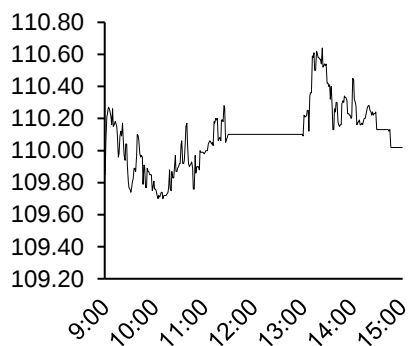
Phân tích kỹ thuật

VCB_Bứt phá

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: bứt phá ngắn hạn và giữ đà tăng trong trung hạn
- Chỉ báo xu hướng MACD: MACD vượt trên đường tín hiệu và ở trên đường trung tâm.
- Chỉ báo RSI: đang ở trong vùng mua và có xu hướng vận động đến vùng quá mua.
- Đường MA: tất cả các đường MA tiếp tục vận động hướng lên và tăng độ dốc.

Nhận định: VCB đang vận động trên mốc hỗ trợ 63.26 (tương ứng với Fibonacci 61.2%) và trong vùng hồi phục từ vùng đáy 52.7 cuối tháng 12/2018. Thanh khoản cổ phiếu trong trạng thái tích cực và đang giữ xu hướng tăng. Chỉ báo RSI vận động trong vùng mua và tiến về vùng quá mua ủng hộ xu hướng tăng và chỉ báo MACD cho thấy dấu hiệu VCB tiếp tục tăng giá trong các phiên sau. Vận động các đường MA tiếp tục cho thấy đà tăng trong ngắn hạn và trung hạn được duy trì. Nếu VCB tiếp tục giữ đà tăng vượt mốc 70.29 với thanh khoản tiếp tục tăng, VCB có khả năng sẽ tiến vào vùng tích lũy ngắn hạn trước khi bứt phá đỉnh 73.75. Nếu thanh khoản của VCB không thể duy trì ở mức tích cực, VCB có khả năng sẽ vận động tích lũy trong vùng 63.26 – 67.03.



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Hợp đồng tương lai

Ticker	Đóng	± Ngày	± KLGD
VN30F1903	926.0	-0.1%	-0.9%
VN30F1904	925.4	-0.2%	-7.9%
VN30F1906	924.0	-54.8%	-54.8%
VN30F1909	923.7	0.0%	-44.3%

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VCB	67	2.8	0.9
VIC	119	1.1	0.8
STB	13	1.6	0.5
PNJ	104	2.2	0.4
NVL	62	1.1	0.3

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
TCB	27	-1	-0.8
VPB	22	-1	-0.7
VNM	137	-1	-0.7
VJC	118	-1	-0.5
MSN	89	0	-0.3



Danh mục khuyến nghị

Danh mục ngắn hạn

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dùng lỗ	Mục tiêu
1	REE	20/7/2018	32.70	34.50	5.5%	30.1	37.6
2	HT1	22/8/2018	12.60	16.20	28.6%	11.6	14.5
3	PTB	10/4/2018	64.00	63.90	-0.2%	58.9	73.6
4	PVD	9/1/2019	15.50	18.45	19.0%	14.3	17.8
5	VJC	25/1/2019	122.50	118.40	-3.3%	112.7	140.9
Trung bình					13.2%		

Nguồn: BSC Research

Danh mục CANSLIM

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dùng lỗ	Mục tiêu
1	HCM	1/3/2019	22.3	30.90	38.6%	21.2	26.8
Trung bình					38.6%		

Nguồn: BSC Research

Danh mục cơ bản

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dùng lỗ	Mục tiêu
1	TCB	31/10/2018	26.9	26.9	0.0%	25.0	30.0
2	POW	12/4/2018	15.6	16.6	6.4%	14.4	18.7
Trung bình					3.2%		

Nguồn: BSC Research

Mã	Ngành	Đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE	
MWG	Bán lẻ	89.0	-0.4%	0.7	1,715	2.1	6,696	13.3	4.4	49.0%	38.7%	
PNJ	Bán lẻ	104.2	2.2%	0.9	757	1.9	5,874	17.7	4.6	49.0%	28.7%	
BVH	Bảo hiểm	95.8	-0.2%	1.3	2,919	0.4	1,519	63.1	4.6	24.8%	7.3%	
PVI	Bảo hiểm	35.3	0.3%	0.7	355	0.1	2,230	15.8	1.2	43.9%	7.6%	
VIC	Bất động sản	118.8	1.1%	1.1	16,485	5.9	1,126	105.5	6.7	9.2%	8.0%	
VRE	Bất động sản	38.0	0.5%	1.1	3,848	7.4	1,033	36.8	3.1	32.0%	8.8%	
NVL	Bất động sản	61.9	1.1%	0.8	2,504	1.1	3,452	17.9	3.0	7.0%	20.1%	
REE	Bất động sản	34.5	0.0%	1.1	465	0.9	5,753	6.0	1.1	49.0%	20.6%	
DXG	Bất động sản	24.6	0.4%	1.4	374	1.0	3,415	7.2	1.7	49.0%	26.7%	
SSI	Chứng khoán	29.5	0.2%	1.3	652	1.5	2,611	11.3	1.6	59.7%	14.8%	
VCI	Chứng khoán	41.9	-0.7%	1.0	297	0.2	5,047	8.3	1.9	41.3%	24.7%	
HCM	Chứng khoán	30.9	-0.3%	1.5	406	0.9	2,650	11.7	2.6	59.7%	23.1%	
FPT	Công nghệ	46.3	0.1%	0.9	1,234	1.1	4,280	10.8	2.3	49.0%	21.9%	
FOX	Công nghệ	50.0	0.0%	0.4	492	0.0	4,156	12.0	3.0	0.2%	27.7%	
GAS	Dầu khí	102.3	0.7%	1.5	8,513	3.3	6,216	16.5	4.3	3.5%	27.8%	
PLX	Dầu khí	61.2	-1.0%	1.5	3,083	4.1	3,203	19.1	3.5	10.9%	18.1%	
PVS	Dầu khí	21.3	-0.5%	1.7	443	2.9	2,185	9.7	0.9	26.0%	9.5%	
BSR	Dầu khí	14.0	0.7%	0.8	1,887	1.0	#N/A	N/A	N/A	N/A	41.1%	23.0%
DHG	Dược	116.7	-0.3%	0.6	663	2.1	4,448	26.2	4.9	44.7%	19.8%	
DPM	Hóa chất	20.4	-0.5%	0.7	347	0.3	1,551	13.2	1.0	23.0%	8.8%	
DCM	Hóa chất	9.2	0.1%	0.7	212	0.1	1,115	8.3	0.8	3.1%	9.5%	
VCB	Ngân hàng	67.0	2.8%	1.3	10,804	6.6	4,070	16.5	3.8	23.5%	25.2%	
BID	Ngân hàng	36.2	1.7%	1.6	5,381	4.2	2,152	16.8	2.4	3.1%	15.1%	
CTG	Ngân hàng	22.5	-0.2%	1.6	3,642	5.1	1,456	15.5	1.2	29.5%	8.3%	
VPB	Ngân hàng	21.7	-1.4%	1.2	2,318	1.6	2,989	7.3	1.5	23.2%	22.8%	
MBB	Ngân hàng	22.5	-0.4%	1.2	2,067	3.4	2,829	8.0	1.5	20.0%	20.1%	
ACB	Ngân hàng	31.5	0.3%	1.1	1,708	3.2	4,119	7.6	1.9	34.3%	27.7%	
BMP	Nhựa	54.0	1.7%	0.9	192	0.5	5,230	10.3	1.8	76.1%	17.5%	
NTP	Nhựa	38.0	0.0%	0.3	147	0.0	3,715	10.2	1.5	22.5%	15.3%	
MSR	Tài nguyên	21.0	-0.9%	1.2	821	0.1	229	91.8	1.7	2.1%	1.8%	
HPG	Thép	34.2	-0.4%	1.1	3,158	6.6	4,037	8.5	1.8	39.9%	23.6%	
HSG	Thép	9.4	2.2%	1.5	157	1.5	355	26.5	0.7	15.8%	2.6%	
VNM	Tiêu dùng	137.2	-0.8%	0.8	10,388	5.5	5,294	25.9	9.3	59.5%	37.5%	
SAB	Tiêu dùng	253.0	-0.8%	0.8	7,054	0.3	6,334	39.9	10.8	9.8%	29.4%	
MSN	Tiêu dùng	88.6	-0.4%	1.2	4,481	0.8	4,578	19.4	3.5	42.2%	22.2%	
SBT	Tiêu dùng	19.0	-1.3%	0.6	433	1.2	447	42.4	1.8	11.5%	4.1%	
ACV	Vận tải	87.0	0.6%	0.8	8,235	0.2	1,883	46.2	6.9	3.6%	15.9%	
VJC	Vận tải	118.4	-1.2%	1.1	2,788	5.9	9,632	12.3	4.6	21.7%	42.6%	
HVN	Vận tải	42.0	2.9%	1.7	2,590	2.7	1,727	24.3	3.4	9.5%	14.6%	
GMD	Vận tải	28.4	0.9%	0.9	367	1.4	6,153	4.6	1.4	49.0%	29.4%	
PVT	Vận tải	17.4	-1.7%	0.7	213	0.1	2,317	7.5	1.2	33.1%	16.9%	
VCS	Vật liệu xây dựng	66.0	-1.3%	0.9	450	0.3	5,917	11.2	3.8	2.5%	43.8%	
VGC	Vật liệu xây dựng	21.7	0.5%	0.9	423	1.1	1,254	17.3	1.5	15.0%	9.0%	
HT1	Vật liệu xây dựng	16.2	3.2%	0.8	269	0.2	1,681	9.6	1.2	6.0%	12.4%	
CTD	Xây dựng	144.2	1.5%	0.8	479	1.1	18,357	7.9	1.4	46.5%	18.8%	
VCG	Xây dựng	28.8	1.4%	1.2	553	1.2	1,021	28.2	1.9	0.0%	7.5%	
CII	Xây dựng	24.6	-0.6%	0.5	264	1.3	334	73.5	1.2	51.5%	1.6%	
POW	Điện	16.6	0.6%	0.6	1,690	1.0	716	23.2	1.6	15.4%	6.8%	
NT2	Điện	29.4	0.7%	0.6	368	0.2	2,618	11.2	2.3	23.4%	17.4%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	67.00	2.76	2.04	2.27MLN
VIC	118.80	1.11	1.27	1.16MLN
BID	36.20	1.69	0.63	2.65MLN
GAS	102.30	0.69	0.41	746300.00
NVL	61.90	1.14	0.20	394680.00

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	31.50	0.32	0.12	2.33MLN
HUT	4.20	7.69	0.06	8.45MLN
PGS	35.50	2.90	0.03	800.00
VCG	28.80	1.41	0.03	984800.00
VGC	21.70	0.46	0.02	1.18MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VNM	137.20	-0.80	-0.58	920860.00
SAB	253.00	-0.78	-0.39	26120.00
TCB	26.90	-0.92	-0.27	1.53MLN
PLX	61.20	-0.97	-0.24	1.53MLN
VJC	118.40	-1.17	-0.23	1.16MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DGC	42.10	-2.09	-0.06	183500.00
VCS	66.00	-1.35	-0.03	95100.00
PVS	21.30	-0.47	-0.02	3.06MLN
DBC	23.00	-1.71	-0.02	29900.00
PVX	1.40	-6.67	-0.02	523000.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PIT	5.68	6.97	0.00	2310.00
TNC	14.60	6.96	0.01	1000.00
TLD	8.01	6.94	0.00	1.84MLN
APG	9.41	6.93	0.01	716480.00
DLG	1.70	6.92	0.01	4.85MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACM	0.80	14.29	0.01	248100.00
DCS	1.00	11.11	0.01	368800.00
CMS	5.50	10.00	0.01	700.00
KTT	3.30	10.00	0.00	100.00
L35	6.60	10.00	0.00	12000.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIP	6.72	-10.04	-0.02	64280.00
YEG	127.70	-6.99	-0.09	21520.00
HU1	9.26	-6.93	0.00	220.00
DTT	9.41	-6.83	0.00	10.00
SHP	22.60	-6.61	-0.05	760.00

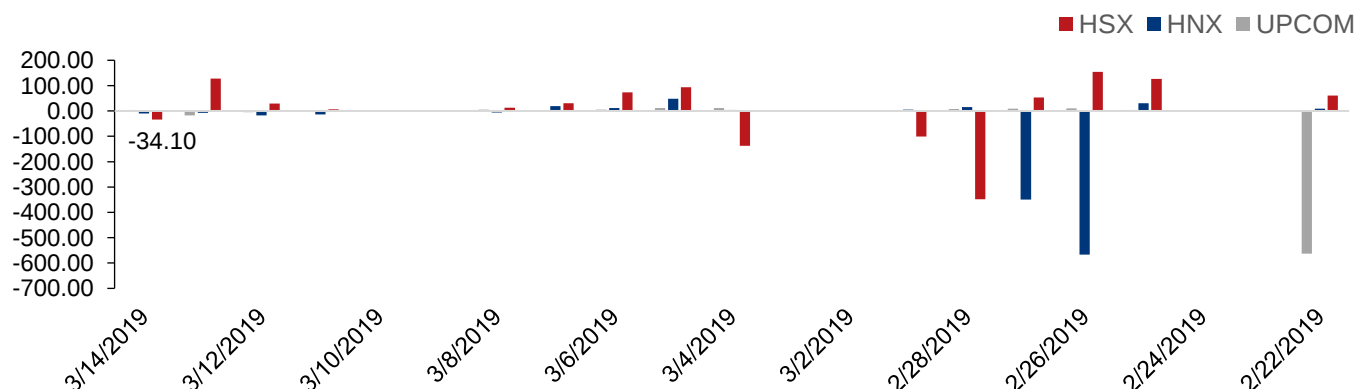
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PVV	0.50	-16.67	0.00	92400.00
BPC	15.30	-10.00	0.00	1000.00
PCT	7.20	-10.00	-0.01	2900.00
TMX	8.30	-9.78	0.00	100.00
VAT	2.10	-8.70	0.00	55800.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click	
2	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click	
3	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click	
4	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click	
5	VM_M11_Giao dịch giằng co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click	
6	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click	
7	Vĩ mô_Quý 3/2018_Mùa công bố KQKD quý III	Phân tích vĩ mô		Click	
8	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		Click	
9	Vĩ mô_Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE	Phân tích vĩ mô		Click	
10	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2018	Phân tích ngành		Click	
11	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2018	Phân tích ngành		Click	
12	Vĩ mô_Tháng 07_Phân hóa sau mùa KQKD quý II	Phân tích vĩ mô		Click	
13	Vĩ mô 2018M6_Ấn số từ các yếu tố bên ngoài	Phân tích vĩ mô		Click	
14	Vĩ mô 2018M5_Phục hồi từ hoạt động đầu tư cơ	Phân tích vĩ mô		Click	
15	Vĩ mô 2018M4_Câu chuyện của niềm	Phân tích vĩ mô		Click	
16	Vĩ mô 2018M3_Hành trình vượt đỉnh 11	Phân tích vĩ mô		Click	
17	Vĩ mô 2018M02_Tích lũy để tăng	Phân tích vĩ mô		Click	
18	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2018M01	Phân tích vĩ mô		Click	
19	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2018	Phân tích vĩ mô		Click	
20	BSC_Vietnam Sector Review_2017_VN_Part 1	Phân tích ngành		Click	

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	VHC	Thủy sản	Theo dõi	20/12/2018	85.9	108.6	91.2	15,644	5.8	2.1	Click	
2	CSV	Hóa chất	Mua	19/12/2018	29.9	36.6	31.0	5,695	5.4	1.7	Click	
3	CMG	Công nghệ	Theo dõi	13/12/2018	24.4	27.0	30.9	1,677	18.4	2.1	Click	
4	VSC	Cảng biển	Mua	12/12/2018	42.6	50.4	44.0	5,995	7.3	1.3	Click	
5	KBC	Bất động sản	Mua	13/12/2018	14.5	18.1	15.3	1,591	9.6	0.8	Click	
6	HPG	Thép	Nắm giữ	11/12/2018	33.8	38.0	34.2	4,037	8.5	1.8	Click	
7	PVT	Vận tải	Mua	28/11/2018	16.1	21.7	17.4	2,317	7.5	1.2	Click	
8	MWG	Bán lẻ	Mua	22/11/2018	84.8	124.0	89.0	6,696	13.3	4.4	Click	
9	BMP	Nhựa	Nắm giữ	20/11/2018	55.3	60.8	54.0	5,230	10.3	1.8	Click	
10	VNM	Thực phẩm	Theo dõi	19/11/2018	115.0	124.3	137.2	5,294	25.9	9.3	Click	
11	PNJ	Bán lẻ	Mua	15/11/2018	93.5	130.7	104.2	5,874	17.7	4.6	Click	
12	FPT	Công nghệ	Mua	14/11/2017	41.7	59.1	46.3	4,280	10.8	2.3	Click	
13	DRC	Cao su	Mua	14/11/2018	21.3	27.2	24.0	1,187	20.2	1.9	Click	
14	TCM	Dệt may	Nắm giữ	13/11/2018	25.5	26.6	33.2	4,070	8.1	1.4	Click	
15	ANV	Thủy sản	Theo dõi	11/2/2018	25.9	28.3	27.2	4,811	5.6	1.8	Click	
16	CTD	Xây dựng	Mua	11/5/2018	151.5	177.9	144.2	18,357	7.9	1.4	Click	
17	HDG	Bất động sản	Mua	10/9/2017	38.3	50.2	42.2	7,493	5.6	2.3	Click	
18	GMD	Cảng biển	Mua	10/5/2018	28.4	36.8	28.4	6,153	4.6	1.4	Click	
19	EVE	Dệt may	Nắm giữ	10/2/2018	16.0	18.2	15.9	1,929	8.2	0.7	Click	
20	RAL	Tiêu dùng	Mua	21/9/2018	103.8	124.2	88.0	17,772	5.0	1.2	Click	



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express LHG 2019Q1	12/3/2019	LH3 triển khai năm 2019 với diện tích thương phẩm 90ha/124ha, giá cho thuê 110\$-130\$/m2. LH1 và LH3 hiện đã lấp đầy và thời gian lấp đầy khoảng 3 năm. Chúng tôi thận trọng ước tính tổng lợi nhuận kỳ vọng KCN LH3 khoảng 939 tỷ đồng, ghi nhận trong vòng 3 năm.
Express DPR 2019Q1	12/3/2019	BSC dự báo doanh thu và lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ lần lượt đạt 80,063 tỷ đồng (+223% yoy) và 18,412 tỷ đồng (+14.5% yoy), EPS 2019FW = 5,496 đồng/cp. Chúng tôi lưu ý doanh thu kể trên đã bao gồm từ các dự án BCC. Hiện tại với thị giá ngày 19/02/2019, mức PE FW 2019 của VHM là 15.8 lần.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: BSCV <GO>

